

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Đê

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chuẩn

Ông Quảng Thanh Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Le Hung M, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung C, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: Số C, khóm E, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2018, nguyên đơn bà Le Hung M trình bày: Thông qua sự mai mối, nên bà quen với ông Nguyễn Trung C và hai người tiến hành tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2015. Đến năm 2016, bà và ông C đến Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó, bà trở về Hoa Kỳ; đến khoảng tháng 7 năm 2017, bà trở về Việt Nam thì phát hiện ông C có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác. Từ đó, giữa bà và ông C xảy ra mâu thuẫn với nhau nên vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn ông Nguyễn Trung C trình bày: Ông thống nhất theo nội dung đơn khởi kiện của bà Le Hung M về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn; về con chung, tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, ông cũng đồng ý ly hôn với bà Le Hung M.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà Le Hung M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung C. Ông C, cũng đồng ý ly hôn với bà Le Hung M, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Le Hung M, cho bà Le Hung M được ly hôn với ông Nguyễn Trung C. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Le Hung M và bị đơn ông Nguyễn Trung C đều làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 12, 31). Do đó, căn cứ vào Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Trà Vinh, theo đúng quy định của pháp luật. Nay, bà M và ông C đều đồng ý ly hôn với nhau. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Cả bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C đều khai, không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Cả bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C đều khai, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Cả bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C đều khai, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Le Hung M, cho bà Le Hung M và ông Nguyễn Trung C ly hôn với nhau, là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn...”. Cho nên, buộc bà Le Hung M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Le Hung M đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001144, ngày 11/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Le Hung M.

1. Về hôn nhân: Cho bà Le Hung M ly hôn với ông Nguyễn Trung C.

2. Về con chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc bà Le Hung M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Le Hung M đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001144, ngày 11/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND thị xã D, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Ngô Đê**